

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA
TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

/// 00 10.10.2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ông Phạm Văn Hùng - Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Satra – Tiền Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Kim Quang Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 1/1/2012)

Ông Phạm Văn Hùng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/1/2012)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần/(Lỗ) sau thuế cho năm	229.586.454	56.089.426
Lợi nhuận thuần/(Lỗ) lũy kế cuối năm	(5.304.418.945)	(4.637.833.112)

Như đã nêu tại mục 6.9-Thuyết minh báo cáo tài chính, lợi nhuận thực của năm 2012 là 229.586.454 VND

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG

Ý KIẾN BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Giám đốc *[Signature]*

Ngày *31* tháng *12* năm *2012*



PHẠM VĂN HÙNG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT
VIET NHAT AUDITING CO., LTD.

Số: 128/HDKT2012

Tp.HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (gọi chung là "báo cáo tài chính"), đính kèm từ trang 10 đến trang 23.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở cho ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Nhân Bảo
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Phan Thị Thủy Tiên
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

Head Office in HCMC
139 Calmette, District 1
Tel: (+84) 8 3915 3780/81/82
Fax: (+84) 8 3915 3783
Email: info-ktvn@hcm.fpt.vn

Sai Gon Branch
62 Ut Tich, Tan Binh District
Tel: (+84) 8 3811 6462
Fax: (+84) 8 3811 6462

Hanoi Branch
13/6 Kim Dong, Hoang Mai District
Tel: (+84) 4 3668 6533/34
Fax: (+84) 4 3668 6535
Email: ktvnhanoi@yahoo.com

Ca Mau Rep. Office
39 - 41 Ngo Quyen, Ca Mau City
Tel: (+84) 780 358 7777
Fax: (+84) 780 358 7777
Email: ktvncamau@yahoo.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		18.113.070.011	13.122.750.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.798.481.221	4.467.167.721
1. Tiền	111		5.798.481.221	4.467.167.721
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	9.081.604.360	3.128.442.082
1. Phải thu khách hàng	131		8.148.829.995	2.991.640.670
2. Trả trước cho người bán	132		1.565.997.864	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		187.394.626	229.470.092
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(820.618.125)	(92.668.680)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	1.113.194.261	2.798.814.149
1. Hàng tồn kho	141		1.113.194.261	2.798.814.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.4	2.119.790.169	2.728.326.383
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			94.198.470
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.033.096.175	2.420.707.913
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		27.337.994	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		59.356.000	213.420.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		24.047.740.726	25.494.062.074
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
II. Tài sản cố định	220		23.978.440.726	25.424.762.074
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	22.502.143.522	23.885.483.866
- Nguyên giá	222		28.643.380.837	28.643.380.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.141.237.315)	(4.757.896.971)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.476.297.204	1.539.278.208
- Nguyên giá	228		1.762.022.900	1.762.022.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(285.725.696)	(222.744.692)
III. Bất động sản đầu tư	240			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			-
V. Tài sản dài hạn khác	260	5.7	69.300.000	69.300.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Tài sản dài hạn khác	268		69.300.000	69.300.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		42.160.810.737	38.616.812.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.723.245.837	5.512.661.676
I. Nợ ngắn hạn	310	5.8	9.003.845.837	4.777.111.676
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		286.161.838	499.565.875
3. Người mua trả tiền trước	313		829.494.001	2.062.271.593
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		376.898.778	111.031.633
5. Phải trả người lao động	315		515.092.835	
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.996.198.385	2.104.242.575
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		719.400.000	735.550.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.9	719.400.000	735.550.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		32.437.564.900	33.104.150.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	32.437.564.900	33.104.150.733
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.741.983.845	37.741.983.845
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.304.418.945)	(4.637.833.112)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		42.160.810.737	38.616.812.409

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		82.668.880	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		5.469,03	-

Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012



PHẠM VĂN HÙNG

Kế toán trưởng

Phan Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	31.013.458.658	23.870.118.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		71.394.125	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		30.942.064.533	23.870.118.289
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.2	24.962.910.313	18.571.465.812
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.979.154.220	5.298.652.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	187.703.765	300.817.288
7. Chi phí tài chính	22	6.4	23.865.003	59.327.846
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	2.467.884.932	2.382.295.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	3.546.889.679	3.147.482.592
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		128.218.371	10.364.153
11. Thu nhập khác	31	6.7	160.368.083	115.923.608
12. Chi phí khác	32	6.8	955.172.287	70.198.335
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(794.804.204)	45.725.273
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	6.9	(666.585.833)	56.089.426
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	-	-
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(666.585.833)	56.089.426

Giám đốc



PHẠM VĂN HÙNG

Kế toán trưởng

Phan Thị Thu Hương

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.685.633.063	33.510.951.180
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.168.192.758)	(14.229.584.522)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.741.496.741)	(1.773.416.281)
Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(27.337.994)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.844.226.432	7.629.500.563
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(16.448.283.507)	(22.133.501.598)
<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>1.144.548.495</i>	<i>3.003.949.342</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		187.703.765	30.502.047
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>187.703.765</i>	<i>30.502.047</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>1.332.252.260</i>	<i>(3.034.451.389)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>4.467.167.721</i>	<i>1.432.716.332</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(938.760)	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>		<i>5.798.481.221</i>	<i>4.467.167.721</i>

Giám đốc



Ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHẠM VĂN HÙNG

Kế toán trưởng

Phan Thị Thu Hương

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Satra – Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2005 của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - Satra. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 534000005, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh lần 1 ngày 22 tháng 09 năm 2006, lần 2 ngày 13 tháng 12 năm 2007, lần thứ 3 ngày 25/10/2011, lần thứ 4 ngày 04/01/2012, lần 5 ngày 30/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính đặt tại ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Các chi nhánh của Công ty tại các địa điểm sau:

Chi nhánh tại số 9-11 Phan Chu Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh tại K7 chợ Đường Biên, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, xã Lợi Thuận, Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 17.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ bổ sung các hạng mục công trình theo quyết định số 138/QĐ-TCT ngày 15/09/2010 là : 20.741.983.845 VND

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty thương mại

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh siêu thị, xuất nhập khẩu các loại trái cây, nông sản, thực phẩm chế biến, kim khí điện máy, bách hóa, công nghệ phẩm, vải sợi may mặc, thiết bị phục vụ cho nông, ngư nghiệp, gas, xăng, dầu, nhớt, rượu bia, thuốc lá nội, phân bón, thức ăn gia súc, vật liệu trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, các sản phẩm gỗ, xe ô tô, xe gắn máy các loại, mua bán mỹ phẩm các loại

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ .

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06/11/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2010.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phát sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả lẫn thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Công ty vì Công ty chưa phát hành công cụ này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi của ban giám đốc.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	08 – 12
Thiết bị văn phòng	08
Phương tiện vận tải	05

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất và Phần mềm quản lý**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, thời gian sử dụng trong vòng 47 năm. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm

Khấu hao tài sản cố định vô hình

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	47
Phần mềm quản lý	10

4.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

4.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Từ ngày 01/01/2009, Công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ban hành ngày 12/12/2008 và Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ban hành ngày 21/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP.

Từ ngày 10/12/2012, Công ty đã áp dụng theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ban hành ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại công ty

4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.11 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.12 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 Bên liên quan

Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH MTV được coi là các bên có liên quan do có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	84.610.281	55.103.583
Tiền gửi ngân hàng	5.713.870.940 (*)	1.394.160.170
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3.017.903.968
Cộng	5.798.481.221	4.467.167.721

(*) Trong đó: Trong đó, số dư ngoại tệ tại ngày 31/12/2012 là 5.469,03 USD tương đương 113.908.937 VND.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	8.148.829.995 (a)	2.991.640.670
Trả trước cho người bán	1.565.997.864	-
Các khoản phải thu khác	187.394.626 (b)	229.470.092
Cộng	9.902.222.485	3.221.110.762
Dự phòng phải thu khó đòi	(820.618.125) (c)	(92.668.680)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	9.081.604.360	3.128.442.082

(a) Chủ yếu các khoản phải thu sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đất Xanh	1.171.836.250	1.201.836.250
Cửa hàng phở 24-9	72.937.728	128.862.773
Công ty CP Vận Tải và Dịch Vụ Du Lịch Phương Trang	569.672.600	292.154.152
Công ty TNHH Hòa Nghĩa	427.471.000	957.471.000
Công ty TNHH KimSon	951.768.232	-
Công ty TNHH XNK vật tư và kim khí Sài Gòn	1.683.193.649	-
Công ty CP SX TM XNK Việt Nam	2.219.421.476	-

(b) Bao gồm

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	36.801.530
Phan Văn Hòa	-	77.999.680
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ theo quyết định của Cục thuế tỉnh Tiền Giang	-	114.668.882
Lương 2011 phải thu lại của bộ phận quản lý	124.630.980	-
Hỗ trợ tết Dương lịch	62.763.646	-

(c) Khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty TNHH Đất Xanh với tỷ lệ trích lập là 70%

5.3 Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Hàng hoá	1.113.194.261	2.798.814.149
Cộng	1.113.194.261	2.798.814.149
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	1.113.194.261	2.798.814.149

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	94.198.470
Thuế GTGT được khấu trừ	2.033.096.175	2.420.707.913
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	27.337.994	-
Tài sản ngắn hạn khác	59.356.000 (*)	213.420.000
Cộng	2.119.790.169	2.728.326.383

(*) Các khoản tạm ứng cho nhân viên để phục vụ việc bán hàng ở TP.HCM và Tiền Giang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANGBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.5 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	24.239.999.309	3.882.078.003	347.108.288	174.195.237	28.643.380.837
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	24.239.999.309	3.882.078.003	347.108.288	174.195.237	28.643.380.837
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	2.787.176.085	1.512.077.059	347.108.288	111.535.539	4.757.896.971
Khấu hao trong năm	1.026.020.628	332.402.820	-	24.916.896	1.383.340.344
Số dư cuối kỳ	3.813.196.713	1.844.479.879	347.108.288	136.452.435	6.141.237.315
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	21.452.823.224	2.370.000.944	-	-	23.822.824.168
Số dư cuối kỳ	20.426.802.596	2.037.598.124	-	37.742.802	22.502.143.522

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 347.108.288 VND (năm 2011: 347.108.288 VND).

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.516.262.000	245.760.900	1.762.022.900
Số dư cuối kỳ	1.516.262.000	245.760.900	1.762.022.900
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	161.304.467	61.440.225	222.744.692
Khấu hao trong năm	32.260.896	30.720.108	62.981.004
Số dư cuối kỳ	193.565.363	92.160.333	285.725.696
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.354.957.533	184.320.675	1.539.278.208
Số dư cuối kỳ	1.322.696.637	153.600.567	1.476.297.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.7 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	-	-
Đặt cọc thuê vựa ở TTTM Bình Điền	69.300.000	69.300.000
Cộng	69.300.000	69.300.000

5.8 Nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	286.161.838 (a)	499.565.875
Người mua trả tiền trước	829.494.001 (b)	2.062.271.593
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	376.898.778 (c)	111.031.633
Phải trả người lao động	515.092.835	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.996.198.385 (d)	2.104.242.575
Cộng	9.003.845.837	4.777.111.676

(a) Bao gồm

	Số cuối năm	Số đầu năm
Daiken Co.,LTD	-	499.565.875
Công ty TNHH Xây Dựng Á Mỹ	284.965.038	-
Công ty CP Vật Tư Ngành Nước Vinaconex	1.196.800	-

(b) Chủ yếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cửa hàng Hồ Đăng Phong	182.644.382	290.687.513
Cửa hàng Tám Mười Bảy	411.951.119	651.116.261
Cửa hàng Huy Văn	47.584.875	168.786.002
Công ty TNHH TM Nguyễn Châu	16.151.227	218.870.215
Cửa hàng Gia Hân	136.280.019	340.428.415
Cửa hàng Huỳnh Minh Tùng	-	320.471.386

(c) Bao gồm các khoản thuế sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế Nhập khẩu phải nộp	-	99.536.195
Thuế đất	365.009.815	-
Thuế VAT phải nộp	11.888.963	11.495.438

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(d) Bao gồm

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế	-	31.866.505
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	6.996.198.385 (*)	2.074.198.385
Cộng	6.996.198.385	2.104.242.575

(*) Bao gồm

Thuế VAT chợ trái cây Tiền Giang	2.074.198.385
Tiền mua đất thu hộ	4.922.000.000

5.9 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ dài hạn	719.400.000 (*)	735.550.000
Cộng	719.400.000	735.550.000

(*) Các khoản nhận đặt cọc của tiểu thương về việc thuê gian và mặt bằng, chủ yếu là:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Đầu Tư Phương Trang	450.000.000	450.000.000
Cửa hàng Phở 24	84.000.000	84.000.000
Công ty TNHH XNK Chánh Thu	49.950.000	49.950.000
Công ty CP Sữa Chua Việt Nam	64.000.000	64.000.000

5.10 Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	37.741.983.845	(4.693.922.538)	33.048.061.307
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	56.089.426	56.089.426
Số dư đầu năm nay.	37.741.983.845	(4.637.833.112)	33.104.150.733
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	(666.585.833)	(666.585.833)
Số dư cuối năm nay	37.741.983.845	(5.304.418.945)	32.437.564.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 17.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2012, Chủ sở hữu cấp vốn 37.741.983.845 VND, trong đó cấp bằng TSCĐ là 20.741.983.845 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu từ hợp tác kinh doanh	973.748.142	504.420.000
Thu cho thuê mặt bằng	3.324.111.848	2.335.939.082
Doanh thu bán hàng hóa	25.841.935.658	20.959.136.850
Doanh thu khác	873.663.010	70.622.357
Tổng doanh thu	31.013.458.658	23.870.118.289
Giảm trừ doanh thu	71.394.125	-
Doanh thu thuần	30.942.064.533	23.870.118.289
Thu từ hợp tác kinh doanh	973.748.142	504.420.000
Thu cho thuê mặt bằng	3.324.111.848	2.335.939.082
Doanh thu bán hàng hóa	25.770.541.533	20.959.136.850
Doanh thu khác	873.663.010	70.622.357
Cộng	30.942.064.533	23.870.118.289

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	24.962.910.313	18.571.465.812
Cộng	24.962.910.313	18.571.465.812

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi TGNH có kỳ hạn	101.070.398	228.089.996
Lãi TGNH không kỳ hạn	86.633.367	66.612.655
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	-	6.114.577
Cộng	187.703.765	300.817.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi của khoản hỗ trợ vốn từ Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	-	6.700.000
Lỗ CLTG chưa thực hiện	938.760	-
Lỗ CLTG hồi đoái đã thực hiện	22.926.243	52.627.846
Cộng	23.865.003	59.327.846

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	835.474.618	873.402.977
Chi phí vật liệu, bao bì	27.300.000	6.340.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.444.794.072	1.444.918.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.517.515	37.702.727
Chi phí bằng tiền khác	5.798.727	19.931.125
Cộng	2.467.884.932	2.382.295.174

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.814.979.306	1.203.840.927
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	13.360.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.690.858	1.400.073
Thuế, phí và lệ phí	195.010.640	5.000.000
Chi phí dự phòng	209.700.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	703.745.676	797.146.011
Chi phí bằng tiền khác	621.763.199	1.126.735.581
Cộng	3.546.889.679	3.147.482.592

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch thu hộ tiền điện, nước	101.054.422	72.875.365
Lương cán bộ quản lý phải thu lại	59.000.000	-
Khác	313.660	43.048.243
Cộng	101.368.083	115.923.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6.8 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi Công ty TNHH Đất Xanh năm 2011	600.918.125	-
Tiền thuê đất năm 2010 và năm 2011	239.585.280	-
Xử lý tiền thuế GTGT không được hoàn năm 2011	114.668.882	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	20.000.000
Phạt hành chính	-	4.330.782
Khác	-	45.867.553
Cộng	955.172.287	70.198.335

6.9 Lợi nhuận trước thuế

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(666.585.833) (*)	56.089.426
Cộng	(666.585.833)	56.089.426

(*) Trong đó :

Chi phí của các năm trước được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh năm 2012

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty TNHH Đất Xanh	(600.918.125)
- Xử lý tiền thuế GTGT đầu vào không được hoàn	(114.668.882)
- Tiền thuê đất năm 2010 và năm 2011	(239.585.280)
- Thu lại tiền lương của cán bộ quản lý năm 2011	59.000.000

Hiệu quả kinh doanh thực của năm 2012

Cộng	229.586.454
	(666.585.833)

Việc ghi nhận bổ sung hiệu quả kinh doanh năm 2011 vào hiệu quả kinh doanh năm 2012 được thực hiện theo biên bản làm việc giữa đoàn kiểm tra Tổng công ty Thương mại Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Satra Tiền Giang ngày 16 tháng 10 năm 2012.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh hiệu quả kinh doanh thực của năm 2011 và năm 2012

CHỈ TIÊU	Năm 2012 điều chỉnh	Năm 2012	Năm 2011 chưa điều chỉnh	Năm 2011 điều chỉnh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.013.458.658	31.013.458.658	23.870.118.289	23.870.118.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	71.394.125	71.394.125		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.942.064.533	30.942.064.533	23.870.118.289	23.870.118.289
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24.962.910.313	24.962.910.313	18.571.465.812	18.571.465.812
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.979.154.220	5.979.154.220	5.298.652.477	5.298.652.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	187.703.765	187.703.765	300.817.288	300.817.288
7. Chi phí tài chính	23.865.003	23.865.003	59.327.846	59.327.846
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	2.467.884.932	2.467.884.932	2.382.295.174	2.382.295.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.546.889.679	3.546.889.679	3.147.482.592	4.043.654.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	128.218.371	128.218.371	10.364.153	(885.808.074)
11. Thu nhập khác	160.368.083	101.368.083	115.923.608	101.368.083
12. Chi phí khác	955.172.287		70.198.335	70.198.335
13. Lợi nhuận khác	(794.804.204)	101.368.083	45.725.273	45.725.273
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(666.585.833)	229.586.454	56.089.426	(840.082.801)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(666.585.833)	229.586.454	56.089.426	(840.082.801)
6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp				
		Năm nay	Năm trước	
		VND	VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại				
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế		(666.585.833)	56.089.426	
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		-	-	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-	-	
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ		-	254.867.553	
Thu nhập chịu thuế		(666.585.833)	310.956.979	
Chuyển lỗ		-	-	
Thu nhập chịu thuế sau chuyển lỗ		-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SATRA TIỀN GIANG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

7. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin các bên liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng công ty Thương mại Sài Gòn

Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau :

Số dư và giao dịch với các bên liên quan:

Số dư

Phải trả thuế VAT của giá trị hạng mục đầu tư của Tổng Công Ty và Trung tâm Thương Mại trái cây Tiền Giang	2.074.198.385
Tiền mua đất thu hộ	4.922.000.000

Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012



PHẠM VĂN HÙNG

Kế toán trưởng

Phan Thị Thu Hương